

Bản án số: 191/2017/DS-PT  
Ngày 29-9-2017  
V/v yêu cầu công khai xin lỗi và bồi  
thường thiệt hại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Minh Đa

*Các Thẩm phán:*

**Ông Nguyễn Trung Dũng**

**Ông Nguyễn Văn Tài**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc “yêu cầu công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **128/2017/QĐPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017**, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

***- Bị đơn:*** Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1983 (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2017).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trần Quang C, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương;

6. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Mạnh H, bà Đoàn Thị Thanh N, ông Trần Quang C.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn ông Trần Mạnh H trình bày:

Ngày 24/12/2012, Đảng ủy xã T ban hành Nghị quyết 63-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ xã T về phương hướng, nhiệm vụ năm 2013, trong đó có chỉ tiêu nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn từ nhà ông Lâm Văn T đến nhà bà Võ Thị T trên địa bàn ấp 6 của xã. Trên cơ sở của Nghị quyết, UBND xã T xây dựng kế hoạch làm đường giao thông nông thôn năm 2013 và tiến hành họp dân vào ngày 11/5/2013, mỗi hộ gia đình phải đóng 6.000.000 đồng và nhà ai có đất sẽ được lấy đều hai bên để làm đường. Tuy nhiên, quá trình làm đường, UBND xã T không lấy đều đất hai bên để làm đường mà đã lấy sang một phần thửa đất 135, tờ bản đồ số 13 tại xã T; đất này ông H đã quản lý từ năm 2006 đến nay (hộ ông Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00043 QSDD/TU ngày 22/9/1999).

Do quyền lợi bị xâm phạm nên gia đình ông H không đồng ý cho thi công và chôn 15 cây trụ bằng bê tông dọc theo thửa 135 để bảo vệ đất của gia đình.

Ngày 21/8/2013, ông H khiếu nại UBND huyện T về việc UBND xã T giải tỏa làm đường giao thông nông thôn không công bằng.

Ngày 30/8/2013, UBND huyện T có công văn gửi UBND xã T, yêu cầu UBND xã giải quyết trả lời nhưng UBND xã không có văn bản trả lời cho ông H.

Ngày 12/11/2013, UBND xã T cùng các ban ngành, đoàn thể, công an, quân sự, đơn vị thi công đến giải tỏa 15 trụ rào; UBND xã T thực hiện cưỡng chế nhưng không đọc quyết định cưỡng chế mà tự ý di dời các trụ bê tông, gia đình ông H ngăn cản và bị bắt lên xe chở về trụ sở Công an xã T. Việc cưỡng chế đã gây thương tích và làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của ông H, bà N (vợ ông H), ông C (con ông H) với xóm giềng.

Ngày 12/12/2013, ông H nộp đơn tố cáo Công an xã T có hành vi đánh

đập người dân đến UBND huyện T (nay là huyện B). UBND huyện Tân Uyên đã chuyển đơn tố cáo của ông H đến Công an huyện T (nay là huyện B) để điều tra, xác minh. Ngày 21/5/2015, Công an huyện B ban hành Thông báo số 02 trả lời kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm... với kết luận là không có tội phạm xảy ra nên không thuộc thẩm quyền của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B.

Ngày 30/12/2016 ông H khởi kiện UBND xã T, với yêu cầu:

1. UBND xã T phải xin lỗi ông Trần Mạnh H công khai trước toàn thể nhân dân.

2. UBND xã T phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 295.000.000 đồng, bao gồm: Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 15 cây trụ rào bằng bê tông trị giá 2.000.000 đồng, bồi thường thu nhập thực tế bị mất và giảm sút là 90.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại là 3.000.000 đồng (trong đó, tiền khám chữa bệnh theo biên lai là 622.685 đồng và 2.377.315 đồng là tiền chi phí đi lại để chữa bệnh); bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 50.000.000 đồng; bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 150.000.000 đồng.

Ông H nộp đơn khởi kiện chậm trễ, vì phải đợi kết quả giải quyết của UBND huyện T và Công an huyện T (nay là huyện B) về hành vi đánh đập người dân của Công an xã T. Tại thời điểm khởi kiện vụ án dân sự, ông H xác định không khởi kiện vụ án hành chính vì thời hiệu khởi kiện đã hết.

#### **Bị đơn UBND xã T trình bày:**

UBND xã T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, yêu cầu độc lập của bà N, ông C. Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án vì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Mặt khác, UBND xã T không có hành vi cưỡng chế ông H, bà N, ông C mà chỉ đến giải tỏa để làm đường. Do ông H, bà N, ông C sử dụng hung khí chống lại người thi hành công vụ nên Công an xã T mới thực thi nhiệm vụ khống chế ông H, bà N, ông C để bảo vệ an toàn cho người thi hành công vụ. Hơn nữa, UBND xã T không có lỗi trong việc giải tỏa mặt bằng; bởi vì, thửa đất 135 thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn N, hộ ông N tự nguyện hiến đất làm đường. Việc ông H, bà N, ông C không có quyền quản lý, sử dụng thửa đất này nhưng tự ý chôn trụ bê tông trên thửa 135 đã gây chậm tiến độ việc thi công làm đường. Xác định hộ gia đình ông H không có quyền quản lý, sử dụng thửa đất này nên UBND xã T chỉ ra thông báo về việc giải tỏa lấy lại mặt bằng chứ không ra quyết định cưỡng chế. Qua nhiều lần vận động, thuyết phục không được nên UBND xã T ra thông báo yêu cầu tháo dỡ trụ bê tông nếu không thực hiện thì UBND xã sẽ thực hiện giải tỏa.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thanh N và ông Trần Quang C:** Thống nhất với lời trình bày của ông H, đồng thời có yêu cầu độc lập.

**Bà Đoàn Thị Thanh N yêu cầu:**

1. UBND xã T phải xin lỗi bà Đoàn Thị Thanh N công khai trước toàn thể nhân dân.

2. UBND xã T phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 293.000.000 đồng, bao gồm: Bồi thường thu nhập thực tế bị mất và giảm sút là 90.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại là 3.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 50.000.000 đồng; bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 150.000.000 đồng.

**Ông Trần Quang C yêu cầu:**

1. UBND xã T phải xin lỗi ông Trần Quang C công khai trước toàn thể nhân dân.

2. UBND xã T phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 293.000.000 đồng, bao gồm: Bồi thường thu nhập thực tế bị mất và giảm sút là 90.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại là 3.000.000 đồng (trong đó tiền khám chữa bệnh theo hóa đơn là 225.000 đồng, 2.775.000 đồng còn lại là tiền chi phí đi lại khám chữa bệnh); bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 50.000.000 đồng; bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 150.000.000 đồng.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị H cùng với các con là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn S trình bày:** Ông N, bà H cùng với các con là ông T, ông S không đồng ý việc ông H, bà N, ông C chôn 15 cây trụ bê tông dọc theo thửa 135. Bởi vì, bà Nguyễn Thị B (mẹ ruột của bà Hòa) đã tặng cho vợ chồng ông N, bà H thửa đất này. Ông N, bà H sinh sống trên thửa đất này từ năm 1977 đến năm 2007, đã xây dựng nhà ở và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00043 QSDĐ/TU ngày 22/9/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn N. Năm 2007, bà B già yếu nên ông N, bà H chuyển về sinh sống cùng với bà B nhưng vẫn thường xuyên quản lý, sử dụng thửa 135.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Mạnh H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T phải công khai xin lỗi trước toàn thể nhân dân.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đoàn Thị Thanh N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T phải công khai xin lỗi trước toàn thể nhân dân.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Quang C về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T phải công khai xin lỗi trước toàn thể nhân dân.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Mạnh H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt hại với số tiền 295.000.000 đồng.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Đoàn Thị Thanh N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt hại với số tiền 293.000.000 đồng.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Quang C về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt hại với số tiền 293.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên **về án phí** và **quyền kháng cáo** của các đương sự.

**Ngày 30/6/2017**, ông Trần Mạnh H, bà Đoàn Thị Thanh N và ông Trần Quang C **kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm**.

Ngày 04/7/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đã hết và đình chỉ xét xử yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của các nguyên đơn là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà N và ông C giữ nguyên yêu cầu độc lập, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B kháng nghị với nhiều lý do, trong đó có lý do Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] UBND huyện T (nay là huyện B) cấp thửa đất số 135 cho hộ ông Nguyễn Văn N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00043 QSDĐ/TU ngày 22/9/1999. Ông N và các thành viên trong hộ không chuyển

giao quyền chiếm hữu thửa đất này cho các đương sự ông Trần Mạnh H, bà Đoàn Thị Thanh N và ông Trần Quang C. Tại thời điểm ngày 12/11/2013, UBND xã T giải tỏa một phần thửa đất số 135 để làm đường (đường giao thông nông thôn) thì thửa đất số 135 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00043 QSDĐ/TU ngày 22/9/1999 cấp cho hộ ông N vẫn còn giá trị pháp lý; chưa có cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết giao thửa đất số 135 cho đương sự ông Trần Mạnh H, bà Đoàn Thị Thanh N và ông Trần Quang C. Do đó, các thành viên hộ gia đình ông N tự nguyện giao một phần thửa đất số 135 để làm đường là hợp pháp, có thiện chí vì lợi ích chung; UBND xã T không trình cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất để mở rộng đường là không trái pháp luật (vì người được cấp đất tự nguyện giao đất để làm đường); người không được giao đất, không được giao quyền chiếm hữu quyền sử dụng đất (ông Trần Mạnh H, bà Đoàn Thị Thanh N và ông Trần Quang C) ngăn cản việc giao và nhận đất giữa người sử dụng đất hợp pháp (hộ gia đình ông N) và cơ quan có thẩm quyền (UBND xã T) là hành vi trái pháp luật.

Tuy nhiên, khi thực hiện việc ngăn cản và cưỡng chế hành vi trái pháp luật của đương sự ông Trần Mạnh H, bà Đoàn Thị Thanh N và ông Trần Quang C thì cơ quan có thẩm quyền cũng phải thực hiện theo quy định của pháp luật; nếu hành vi của cơ quan có thẩm quyền không đúng quy định của pháp luật mà gây thiệt hại cho các đương sự thì phải bồi thường. Do đó, cần phải điều tra, làm rõ cán bộ công chức khi thực thi nhiệm vụ có làm trái pháp luật hay không? Có gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho các đương sự hay không? Khi đã điều tra làm rõ những vấn đề trên thì mới có căn cứ xem xét chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu bồi thường của các đương sự.

[2] Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xác định thời điểm xảy ra thiệt hại là ngày 12/11/2013 và ngày 12/12/2013 họ đã có đơn gửi cơ quan có thẩm quyền “tố cáo sự việc”; tuy nhiên, đến ngày 21/5/2015, Công an huyện B mới giải quyết tại Thông báo số 02 trả lời kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm... với kết luận là không có tội phạm xảy ra nên không thuộc thẩm quyền. Không có chứng cứ về việc giao nhận Thông báo số 02 giữa Công an huyện B và ông H, lời khai của ông H về thời điểm nhận được Thông báo số 02 là không thống nhất; tuy nhiên, Thông báo số 02 ban hành ngày 21/5/2015 và ngày 30/12/2016 ông H nộp đơn khởi kiện. Thời điểm xảy ra sự kiện pháp lý (năm 2013) thì Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên phải áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết; do đó, thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp... bị xâm phạm (Điều 607 Bộ luật Dân sự năm 2005); khoản 2, Điều 158 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự bị gián đoạn khi có một trong các sự kiện sau đây...*”, điểm a khoản 2 Điều 158 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Có sự giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với quyền, nghĩa vụ dân sự đang được áp dụng thời hiệu*”. Đối chiếu với quy định trên thì từ thời điểm Công an huyện B thụ lý giải quyết đơn tố cáo của các

đương sự cho đến khi đương sự nhận được kết quả giải quyết (Thông báo số 02) không được tính vào thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện của các đương sự theo quy định tại Điều 588 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là không đúng với quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Để đảm bảo việc xét xử ở 2 cấp Tòa án thì cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại cho đúng pháp luật. Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xem xét đối chiếu với các quy định của Luật bồi thường trách nhiệm nhà nước để đảm bảo việc giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để và đúng các quy định của pháp luật.

3. Kháng cáo của ông H, bà N, ông C là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, hủy bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Án phí phúc thẩm: Ông H, bà N, ông C không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Mạnh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thanh N, ông Trần Quang C và Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-DS ngày 04/7/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B.

1.1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

1.2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương trả lại cho bà Đoàn Thị Thanh N, ông Trần Mạnh H, ông Trần Quang C mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0016523, số 0016524 và số 0016525 cùng ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- Viện trưởng VKSND huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Minh Đa**